PHÁP LUẬT VỀ NGHĨA VỤ THANH TOÁN CỦA BÊN MUA TRONG HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● **NGUYỄN THỊ MINH TÂM**
Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Nghĩa vụ thanh toán của bên mua trong hợp đồng mua bán hàng hóa là yếu tố cốt lõi đảm bảo sự công bằng và minh bạch trong giao dịch thương mại. Tại Việt Nam, khung pháp lý điều chỉnh nghĩa vụ này đã được xây dựng tương đối đầy đủ, chủ yếu thông qua Bộ luật Dân sự 2015, Luật Thương mại 2005 và các văn bản hướng dẫn. Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật về nghĩa vụ thanh toán vẫn bộc lộ nhiều bất cập, như tình trạng chậm thanh toán, thiếu minh bạch và khó khăn trong giải quyết tranh chấp. Bài báo phân tích cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về nghĩa vụ thanh toán tại Việt Nam, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả thực thi. Các giải pháp bao gồm minh bạch hóa quy định, tăng cường biện pháp bảo đảm thanh toán, thúc đẩy sử dụng công nghệ và nâng cao nhận thức pháp luật.

Từ khóa: nghĩa vụ thanh toán, hợp đồng mua bán hàng hóa, pháp luật Việt Nam, thực trạng, giải pháp.

1. Đặt vấn đề

Hoạt động mua bán giữa các doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, góp phần thúc đẩy sản xuất, lưu thông hàng hóa và phát triển kinh tế - xã hội. Để hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra suôn sẻ, khung pháp lý về việc mua bán hàng hóa là yếu tố cốt lõi để điều chỉnh hành vi và hướng các doanh nghiệp Việt Nam đến sự đúng đắn, bảo vệ hài hòa lợi ích hợp pháp giữa các bên liên quan và của Nhà nước.

Với sự phát triển liên tục của thời đại, các doanh nghiệp được thành lập ngày càng nhiều, đó là một sự thách thức không hề dễ đối với hệ thống pháp luật của Việt Nam. Qua quá trình áp dụng và nghiệm chứng, các văn bản luật đã được thay đổi và cập nhật cho phù hợp với thực tiễn vận hành của hoạt động mua bán hàng hóa trong và ngoài nước.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, việc đảm bảo thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán trở thành yêu cầu cấp thiết để nâng cao năng lực cạnh

tranh và xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch. Nghiên cứu này nhằm phân tích cơ sở lý luận và thực trạng pháp luật về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa tại Việt Nam, đồng thời đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý và nâng cao hiệu quả thực thi.

2. Cơ sở pháp lý và lý luận về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa

2.1. Khái niệm

Theo Khoản 8 Điều 3 Luật Thương mại 2005, mua bán hàng hóa là hoạt động thương mại, trong đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa và nhận thanh toán, còn bên mua có nghĩa vụ thanh toán và nhận hàng theo thỏa thuận. Hợp đồng mua bán hàng hóa là sự thỏa thuận giữa các bên nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ pháp lý, với đối tượng là hàng hóa (động sản, kể cả động sản hình thành trong tương lai, hoặc vật gắn liền với đất đai có thể chuyển giao quyền sở hữu) (Điều 3 Luật Thương mại 2005).

Hợp đồng mua bán hàng hóa có các đặc điểm nổi bật:

- Chủ thể: Thường là thương nhân có tư cách pháp lý theo quy định tại Điều 6 Luật Thương mại 2005, nhưng cũng có thể bao gồm cá nhân, tổ chức không phải thương nhân nếu có thỏa thuận phù hợp.

- Đối tượng: Hàng hóa hợp pháp, được phép lưu thông trên thị trường.

- Hình thức: Có thể bằng văn bản, lời nói, hoặc hành vi cụ thể, trừ các giao dịch đặc thù yêu cầu văn bản (Điều 24 Luật Thương mại 2005).

- Mục đích: Sinh lợi, phù hợp với bản chất thương mại của giao dịch.

2.2. Nghĩa vụ thanh toán của bên mua

Thanh toán là hành vi của bên mua nhằm thực hiện nghĩa vụ trả tiền hoặc giá trị tương đương cho bên bán, bao gồm các thủ tục liên quan, theo thỏa thuận hợp đồng (Điều 50 Luật Thương mại 2005). Nghĩa vụ thanh toán bao gồm:

- Xác định giá trị thanh toán: Theo thỏa thuận hoặc giá thị trường nếu không có thỏa thuận (Điều 51 Luật Thương mại 2005).

- Thực hiện thanh toán: Đúng thời hạn, địa điểm, và phương thức đã cam kết, hoặc theo quy định mặc định của pháp luật (Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015).

Theo Công ước Viên 1980 (CISG), nghĩa vụ thanh toán không chỉ là chuyển giao tiền mà còn bao gồm các hành vi cần thiết để hoàn tất thanh toán, như mở thư tín dụng hoặc xử lý thủ tục ngân hàng (Điều 54 CISG). Nghĩa vụ này mang tính pháp lý bắt buộc, gắn liền với quyền nhận hàng của bên mua, đảm bảo sự công bằng trong giao dịch.

3. Thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện tại Việt Nam

3.1. Quy định pháp luật về nghĩa vụ thanh toán

Khung pháp lý về nghĩa vụ thanh toán tại Việt Nam được điều chỉnh chủ yếu bởi:

- Luật Thương mại 2005: Quy định về nghĩa vụ thanh toán (Điều 50), giá trị thanh toán (Điều 51), và các biện pháp bảo đảm như đặt cọc, bảo lãnh.

- Bộ luật Dân sự 2015: Bổ sung các quy định về hợp đồng, hiệu lực và nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ thanh toán (Điều 440).

- Công ước Viên 1980 (CISG): Áp dụng cho các hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, với các quy định về thời hạn và phương thức thanh toán.

Tuy nhiên, các quy định này còn tồn tại một số hạn chế:

- Thiếu minh bạch về tiền tệ và tỷ giá: Chưa có quy định rõ ràng về loại tiền tệ sử dụng trong giao dịch quốc tế, gây khó khăn khi tỷ giá biến động.

- Chế tài xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe: Mức phạt vi phạm hợp đồng (8% giá trị nghĩa vụ vi phạm) chưa đủ mạnh để ngăn chặn tình trạng chậm thanh toán.

- Thiếu cơ chế giải quyết tranh chấp nhanh: Thủ tục xử lý tranh chấp tại tòa án hoặc trọng tài thường kéo dài, gây thiệt hại cho các bên.

Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện nghĩa vụ thanh toán ở một số doanh nghiệp trên cả nước còn bộc lộ nhiều vấn đề:

- Tình trạng chậm thanh toán: Nhiều doanh nghiệp nhỏ và hợp tác xã gặp khó khăn tài chính, dẫn đến chậm thanh toán hoặc không thanh toán đúng hạn, đặc biệt trong các giao dịch nông sản và thủy sản.

- Thiếu minh bạch trong thanh toán: Giao dịch tiền mặt phổ biến, thiếu kiểm soát qua hệ thống ngân hàng, dễ dẫn đến tranh chấp.

- Khó khăn trong giải quyết tranh chấp: Thủ tục tố tụng kéo dài, chi phí cao, và hiệu quả thực thi phán quyết thấp, đặc biệt khi bên mua không hợp tác và cố tình kéo dài thời gian.

- Nhận thức pháp lý hạn chế: Nhiều doanh nghiệp và hộ kinh doanh thiếu hiểu biết về quyền và nghĩa vụ thanh toán, dẫn đến vi phạm hợp đồng.

Phân tích các vụ việc điển hình tại một số nơi cho thấy, tranh chấp thanh toán thường phát sinh do hợp đồng thiếu chi tiết, không áp dụng biện pháp bảo đảm, hoặc do biến động thị trường ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của bên mua.

3.2. Những bất cập trong khung pháp lý và thực tiễn

Mặc dù khung pháp lý về nghĩa vụ thanh toán tại Việt Nam đã được xây dựng tương đối đầy đủ, nhưng vẫn tồn tại các khoảng trống pháp lý. Ví dụ, quy định về bù trừ nghĩa vụ thanh toán (Điều 512 Bộ luật Dân sự 2015) chưa đủ chi tiết, gây khó khăn trong việc áp dụng, đặc biệt trong các giao dịch phức tạp hoặc giao dịch quốc tế. Chế tài xử lý vi phạm, như mức phạt 8% giá trị nghĩa vụ vi phạm, chưa đủ sức răn đe, dẫn đến tình trạng nhiều doanh nghiệp cố tình trì hoãn thanh toán. Hơn nữa, quy định về giải quyết tranh chấp còn thiếu cơ chế xử lý nhanh, khiến các vụ việc kéo dài, gây thiệt hại cho các bên, đặc biệt là bên bán.

Các vấn đề thực tiễn phản ánh sự thiếu đồng bộ giữa pháp luật và điều kiện kinh tế - xã hội địa phương. Năng lực tài chính hạn chế của các doanh nghiệp nhỏ và hợp tác xã, cùng với sự phụ thuộc vào chu kỳ sản xuất, làm gia tăng rủi ro chậm thanh toán. Giao dịch tiền mặt phổ biến, không qua hệ thống ngân hàng, dẫn đến thiếu minh bạch và khó kiểm soát. Nhận thức pháp lý hạn chế của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh cũng là nguyên nhân chính dẫn đến vi phạm hợp đồng và tranh chấp kéo dài.

So sánh với thông lệ quốc tế, Công ước Viên 1980 (CISG) cung cấp các quy định linh hoạt hơn về nghĩa vụ thanh toán, như cho phép các bên thỏa thuận về phương thức thanh toán hoặc áp dụng biện pháp bảo đảm như thư tín dụng (L/C). Trong khi đó, pháp luật Việt Nam còn thiếu các quy định chi tiết để hỗ trợ giao dịch quốc tế, đặc biệt trong việc quản lý rủi ro tỷ giá và bảo vệ quyền lợi của bên bán. Các quốc gia như Singapore và Hàn Quốc đã áp dụng các hệ thống thanh toán số hóa và cơ chế giải quyết tranh chấp nhanh, giúp giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả giao dịch. Những kinh nghiệm này có thể được Việt Nam học hỏi để cải thiện khung pháp lý và thực tiễn áp dụng.

4. Giải pháp đề xuất

Dựa trên phân tích thực trạng và so sánh với thông lệ quốc tế, nghiên cứu đề xuất các giải pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý:

- Minh bạch hóa quy định về tiền tệ và tỷ giá: Bổ sung quy định về sử dụng đồng tiền ổn định (USD, EUR) trong giao dịch quốc tế, đồng thời khuyến khích sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro tỷ giá, như hợp đồng kỳ hạn (forward contracts). Điều này đặc biệt quan trọng ở một số nơi xuất khẩu hàng hóa chịu ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá.

- Tăng cường chế tài xử lý vi phạm: Nâng mức phạt vi phạm hợp đồng lên 15-20% giá trị nghĩa vụ vi phạm, đồng thời quy định lãi suất chậm thanh toán dựa trên lãi suất thương mại thực tế. Ví dụ, tại Đồng Tháp, các hợp đồng mua bán nông

sản cần áp dụng mức phạt cao hơn để răn đe hành vi chậm thanh toán.

- Chi tiết hóa quyền bù trừ nghĩa vụ thanh toán: Bổ sung quy định về điều kiện, phương thức, và cơ chế xử lý tranh chấp liên quan đến bù trừ, đảm bảo tính minh bạch và công bằng. Điều này giúp các doanh nghiệp nhỏ tại một số nơi quản lý công nợ hiệu quả hơn.

Thứ hai, tăng cường biện pháp bảo đảm thanh toán:

- Quy định bắt buộc đặt cọc hoặc bảo lãnh: Đối với các giao dịch có giá trị lớn hoặc rủi ro cao, cần yêu cầu bên mua đặt cọc 10-20% giá trị hợp đồng hoặc sử dụng bảo lãnh ngân hàng.

- Phát triển cơ chế phong tỏa tài khoản: Xây dựng hệ thống phong tỏa tài khoản tạm thời của bên mua khi ký hợp đồng, đảm bảo nguồn tiền thanh toán. Hệ thống này có thể được triển khai thông qua các ngân hàng thương mại tại tỉnh nhà.

Thứ ba, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt:

- Khuyến khích thanh toán số hóa: Chính quyền cần phối hợp với các ngân hàng triển khai chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ tiếp cận ví điện tử, cổng thanh toán trực tuyến, hoặc thư tín dụng (L/C). Ví dụ, các hợp tác xã nông nghiệp có thể sử dụng nền tảng thanh toán như Vietcombank hoặc Momo để đảm bảo minh bạch.

- Xây dựng hệ thống quản lý công nợ: Phát triển phần mềm quản lý công nợ cho các doanh nghiệp , giúp theo dõi và nhắc nhở thanh toán đúng hạn. Hệ thống này có thể tích hợp với các cổng thanh toán ngân hàng để tự động hóa quy trình.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp:

- Rút ngắn thời gian xử lý: Quy định thời gian tối đa 6 tháng để giải quyết tranh chấp thanh toán, áp dụng quy trình rút gọn cho các vụ việc có giá trị dưới 500 triệu đồng. Điều này phù hợp với các tranh chấp nhỏ.

- Thành lập trung tâm hòa giải thương mại: Xây dựng trung tâm hòa giải tại Đồng Tháp để xử lý nhanh các tranh chấp thanh toán, giảm tải cho tòa án và tiết kiệm chi phí cho doanh nghiệp.

- Tăng cường thực thi phán quyết: Áp dụng các biện pháp cưỡng chế mạnh mẽ hơn, như phong tỏa tài khoản hoặc công khai danh sách vi phạm trên cổng thông tin tỉnh, để tăng tính răn đe.

Thứ năm, tăng cường tuyên truyền và đào tạo pháp luật:

- Tổ chức hội thảo và tập huấn: Chính quyền cần phối hợp với Sở Công Thương và Hiệp hội Doanh nghiệp tổ chức các khóa đào tạo về pháp luật hợp đồng, tập trung vào nghĩa vụ thanh toán và biện pháp bảo đảm. Các chương trình này nên hướng đến các hợp tác xã và hộ kinh doanh.

- Phổ biến tài liệu pháp luật dễ hiểu: Biên soạn cẩm nang pháp luật thương mại và infographic về quyền, nghĩa vụ thanh toán, phân phát đến các doanh nghiệp và hợp tác xã. Ví dụ, cẩm nang có thể hướng dẫn cách soạn thảo hợp đồng rõ ràng để tránh tranh chấp.

- Sử dụng công nghệ số: Xây dựng cổng thông tin pháp lý trực tuyến, cung cấp văn bản pháp luật, hướng dẫn thực tiễn, và công cụ tư vấn trực tuyến. Các hội thảo pháp luật trực tuyến qua Zoom hoặc Zalo cũng có thể thu hút nhiều doanh nghiệp tham gia.

Thứ sáu, học hỏi kinh nghiệm quốc tế:

- Áp dụng thông lệ từ CISG: Bổ sung các quy định về quyền trả hàng, bồi thường thiệt hại, và hủy hợp đồng theo Công ước Viên 1980.

- Tham khảo mô hình Singapore: Singapore sử dụng hệ thống thanh toán số hóa và trọng tài thương mại nhanh để xử lý tranh chấp, có thể học hỏi bằng cách triển khai các nền tảng thanh toán trực tuyến và trung tâm trọng tài tại địa phương.

- Hợp tác quốc tế: Tăng cường phối hợp với các tổ chức như WTO hoặc UNIDROIT để đào tạo doanh nghiệp về luật thương mại quốc tế, giúp giảm rủi ro trong giao dịch xuyên biên giới.

5. Kết luận

Nghĩa vụ thanh toán của bên mua trong hợp đồng mua bán hàng hóa là yếu tố then chốt đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả của giao dịch thương mại. Tại Việt Nam, khung pháp lý về nghĩa vụ này đã được xây dựng tương đối đầy đủ thông qua Bộ luật Dân sự 2015, Luật Thương mại 2005 và Công ước Viên 1980 (CISG). Tuy nhiên, các bất cập như thiếu minh bạch trong quy định về tiền tệ, chế tài xử lý vi phạm chưa đủ mạnh, và thủ tục giải quyết tranh chấp kéo dài vẫn tồn tại. Thực tiễn tại một số tỉnh cho thấy những vấn đề như chậm thanh toán, thiếu minh bạch và nhận thức pháp lý hạn chế đang ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường kinh doanh.

Các giải pháp đề xuất trong nghiên cứu, từ hoàn thiện khung pháp lý, tăng cường biện pháp bảo đảm thanh toán, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, đến nâng cao hiệu quả giải quyết tranh chấp và tuyên truyền pháp luật, nhằm khắc phục những hạn chế hiện tại. Đặc biệt, các giải pháp tập trung vào thực tiễn như triển khai trung tâm hòa giải thương mại, xây dựng cổng thông tin pháp lý và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ tiếp cận công nghệ thanh toán, sẽ góp phần xây dựng môi trường kinh doanh minh bạch và bền vững. Việc học hỏi kinh nghiệm quốc tế, như mô hình thanh toán số hóa của Singapore và các quy định linh hoạt của CISG, cũng là hướng đi quan trọng để cải thiện hệ thống pháp luật Việt Nam.

Nghiên cứu này có giá trị và mang tính ứng dụng cao cho các địa phương tại Việt Nam. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp sẽ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - thương mại, đảm bảo quyền lợi của các bên trong hợp đồng và nâng cao năng lực cạnh tranh trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trong tương lai, cần tiếp tục nghiên cứu để đánh giá hiệu quả của các giải pháp này và điều chỉnh phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế và pháp luật ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Hoàng Thị Mai Anh. (2021). Pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện. Nhà xuất bản Tư pháp, Hà Nội.

International Institute for the Unification of Private Law - UNIDROIT (1980). Công ước Viên 1980 về hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế (CISG). Truy cập tại https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Cong-uoc-vien-Lien-Hop-quoc-mua-ban-hang-hoa-quoc-te-11-04-1980-90153.aspx

Nguyễn Văn Bảo. (2019). Thanh toán quốc tế và các rủi ro trong giao dịch thương mại. Tạp chí Khoa học Thương mại, 15(1), 45-52.

Nguyễn Văn Nam. (2020). Pháp luật về hợp đồng thương mại: Lý luận và thực tiễn áp dụng. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Phạm Hồng Quang. (2022). Giải quyết tranh chấp trong hợp đồng thương mại quốc tế: Kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam. Tạp chí Luật học, 38(2), 15-25.

Quốc hội (2005). Luật số 36/2005/QH11: Luật Thương mại, ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.

Quốc hội (2015). Luật số 91/2015/QH13: Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Trần Thị Thu Hà. (2021). Thực tiễn áp dụng pháp luật về thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hóa tại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Phát triển, 49(3), 89-98.

Ngày nhận bài: 8/3/2025
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 23/3/2025
Ngày chấp nhận đăng bài: 10/4/2025

THE BUYER'S PAYMENT OBLIGATION IN VIETNAM'S SALE OF GOODS CONTRACTS: CURRENT STATUS AND SOLUTIONS

● **NGUYEN THI MINH TAM**
Ho Chi Minh City University of Banking

ABSTRACT:

The buyer's payment obligation in a contract for the sale of goods is a fundamental legal element that ensures fairness and transparency in commercial transactions. In Vietnam, the legal framework governing this obligation is relatively comprehensive, primarily established through the 2015 Civil Code, the 2005 Commercial Law, and related guiding documents. However, challenges remain in practice, including delayed payments, limited transparency, and difficulties in resolving disputes. This study examines the theoretical foundations and current legal provisions surrounding payment obligations, and evaluates their practical implementation. Based on this analysis, the study proposes several solutions to enhance the legal framework and enforcement efficiency, including improving regulatory clarity, strengthening payment security mechanisms, promoting the application of digital technologies, and increasing legal awareness among stakeholders.

Keywords: payment obligation, sales contract, Vietnamese law, current situation, solutions.